

Daklak, ngày 14 tháng 10 năm 2016

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2016

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### 1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

Mã chứng khoán: S33

Trụ sở chính: Khối 1 – Thị trấn Eaknốp – Huyện Eakar – Tỉnh Đaklak

Điện thoại: 05003.829260

Fax: 05003.829089

### 2. Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Ngọc Sơn

Địa chỉ: 173 Nguyễn Tất Thành – Thị trấn Eatling – Huyện Cư Jút – Tỉnh ĐakNông

Điện thoại: 05003.829260

Fax: 05003.829089

Loại Công bố thông tin: Định Kỳ

### 3. Nội dung công bố thông tin: Công bố báo cáo thường niên năm 2016 (Niên độ tài chính từ 01/01/2016 đến 30/6/2016)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14 tháng 10 năm 2016 tại đường dẫn: [www.miaduong333.vn](http://www.miaduong333.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN NGỌC SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**

[www.miaduong333.vn](http://www.miaduong333.vn)

# BÁO CÁO

## THƯỜNG NIÊN 2016



### CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 01/01/2016 – 30/06/2016

# MỤC LỤC

<b>✓ THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>1</b>
Thông tin khái quát	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	
Định hướng phát triển	
Rủi ro	
<b>✓ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>13</b>
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tình hình hoạt động đầu tư	
Tình hình tài chính	
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu	
<b>✓ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b>	<b>19</b>
Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc	
Cơ cấu Hội đồng quản trị	
Cơ cấu Ban kiểm soát	
Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	
Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động	
<b>✓ BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>29</b>
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	
Tình hình tài chính	
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	
Kế hoạch phát triển trong tương lai	
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán	
<b>✓ BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>35</b>
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	
<b>✓ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>41</b>
Hội đồng quản trị	
Ban kiểm soát	
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	
<b>✓ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015</b>	<b>47</b>



## THÔNG TIN CHUNG

- ✔ Thông tin khái quát
- ✔ Quá trình hình thành và phát triển
- ✔ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✔ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✔ Định hướng phát triển
- ✔ Rủi ro



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên công ty</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333
<b>Tên tiếng anh</b>	: THE 333 SUGAR JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: THE 333 SUCO
<b>Giấy CNĐKDN</b>	: Số 6000181156, thay đổi lần thứ 8 ngày 06/07/2015
<b>Vốn điều lệ</b>	: 83.314.090.000 VNĐ
<b>Địa chỉ</b>	: Thị trấn Eaknốp, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk
<b>Số điện thoại</b>	: 0500 3829112
<b>Số fax</b>	: 0500 3829089
<b>Website</b>	: <a href="http://www.miaduong333.vn">www.miaduong333.vn</a>
<b>Email</b>	: <a href="mailto:miaduong333@gmail.com">miaduong333@gmail.com</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	: S33

**Logo công ty** :



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty Cổ phần Mía đường 333 là Sư đoàn 333 - đơn vị quân đội thuộc quân khu 5, Bộ Quốc Phòng được thành lập từ tháng 10/1976 với nhiệm vụ làm kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk.

1976

Tháng 10/1982, Sư đoàn 333 được chuyển giao Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quản lý, đồng thời đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Công Nông Lâm nghiệp 333 – trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam. Với 23 nông trường, xí nghiệp trực thuộc, hoạt động chủ yếu là hợp tác với Liên Xô trồng, sản xuất và chế biến cà phê.

1982

Theo Quyết định 38/CP tháng 04/1992 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Liên hiệp các Xí nghiệp cà phê Việt Nam được giải thể. Sau đó, xí nghiệp Liên hợp Công Nông nghiệp 333 được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp 333 theo quyết định số 217/QĐ ngày 9/04/1993 của Bộ NN&CNTP.

1992

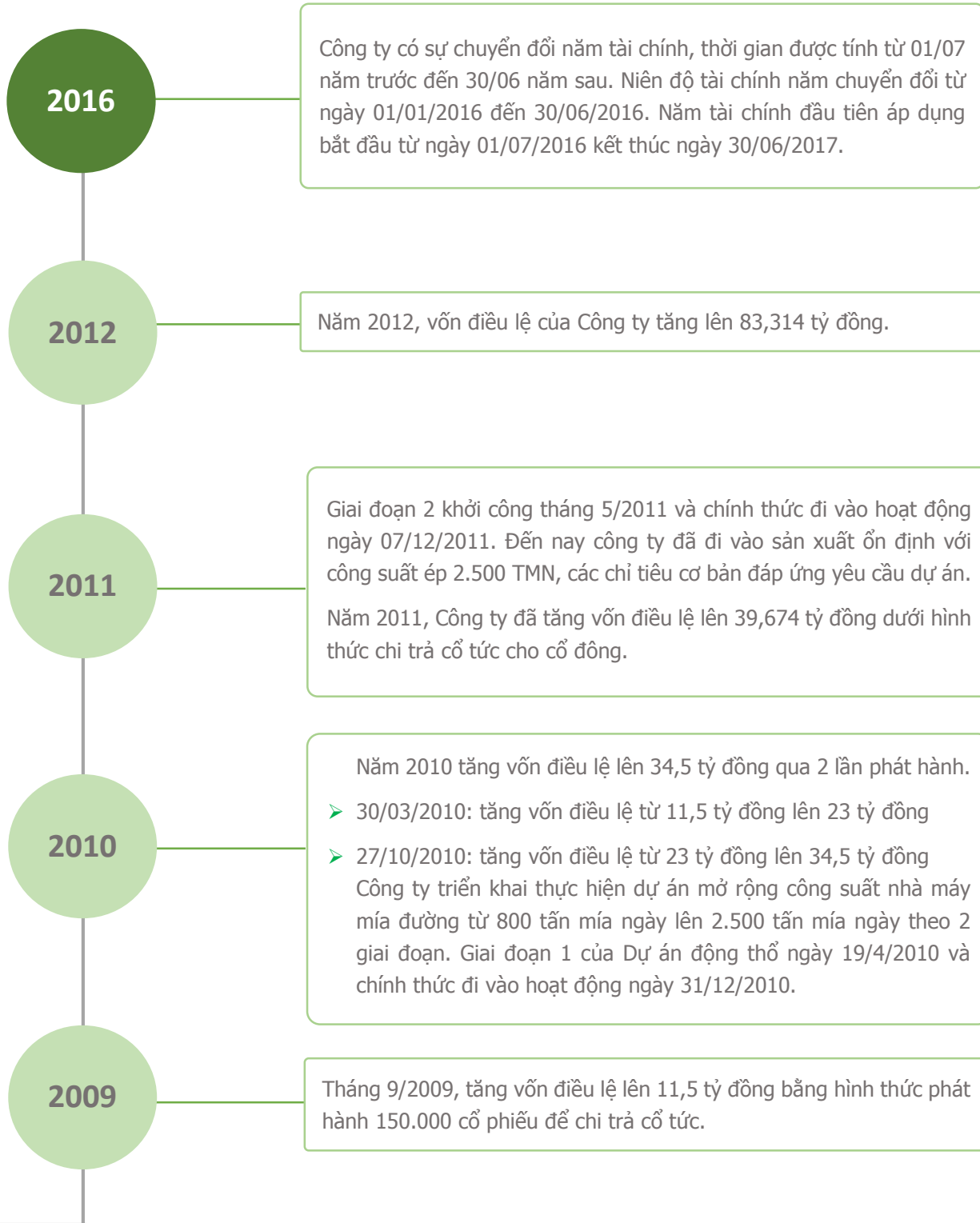
19/04/1997, theo quyết định số 130/QĐ của Tổng công ty Cà phê Việt Nam, Xí nghiệp Liên hợp Công Nông Lâm nghiệp 333 được đổi tên thành Công ty Mía đường 333. Đồng thời, dự án xây dựng nhà máy chế biến đường RS được phê duyệt với công suất thiết kế ban đầu là 500 tấn mía/ngày.

1997

Ngày 30 tháng 12 năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra quyết định số 3762/QĐ/BNN - ĐMDN về việc cổ phần hóa Công ty Mía đường 333 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Mía đường 333, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 28/06/2006 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000094 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.

2005





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ★ Sản xuất, chế biến đường mía;
- ★ Chế biến hạt điều nhân xuất khẩu;
- ★ Sản xuất nước tinh khiết, nước ngọt có gas và không gas;
- ★ Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- ★ Đại lý mua bán xăng dầu và chất bôi trơn động cơ;
- ★ Trồng mía đường;
- ★ Mua bán hàng vật tư nông nghiệp, nông sản;





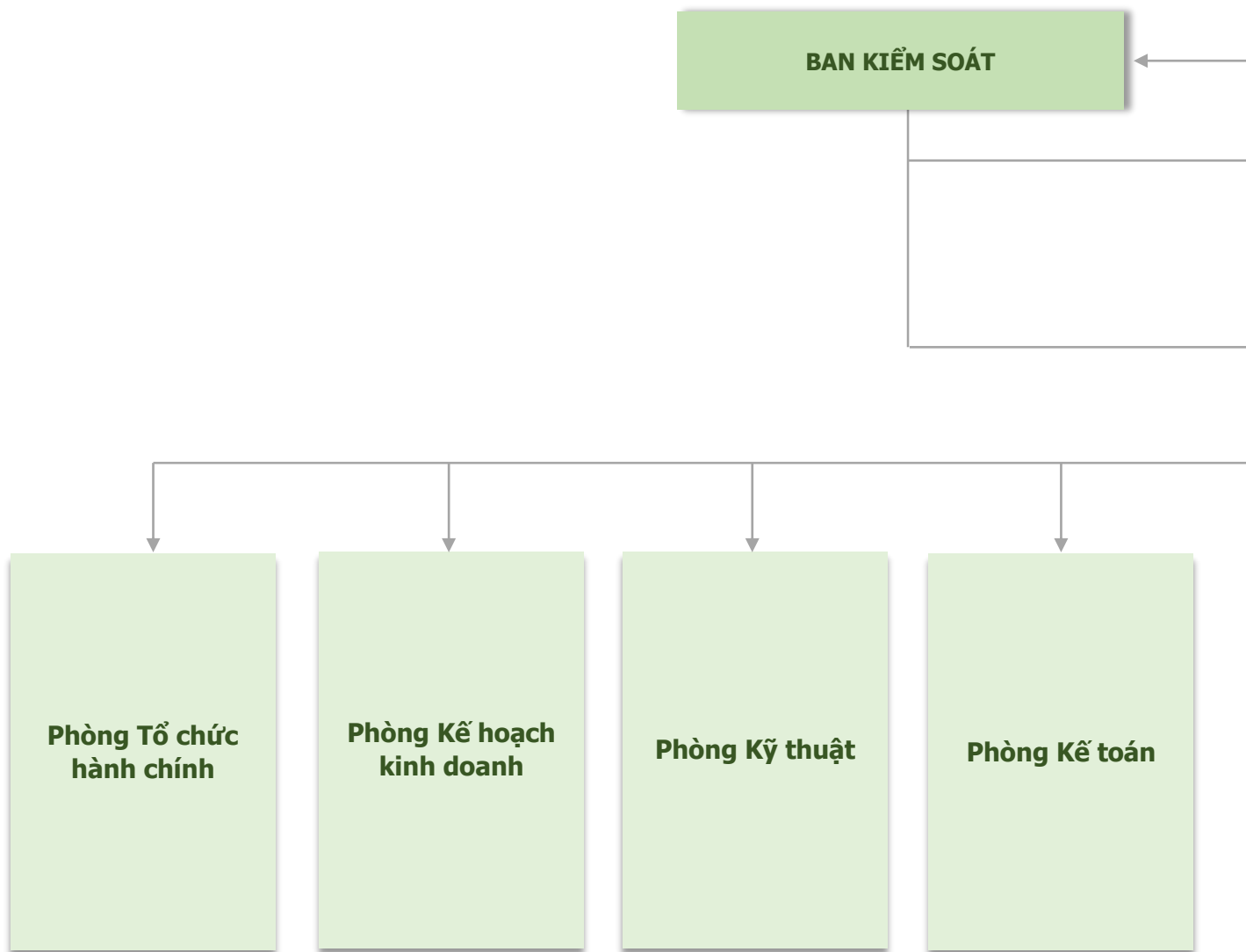
**ĐỊA BÀN KINH DOANH**

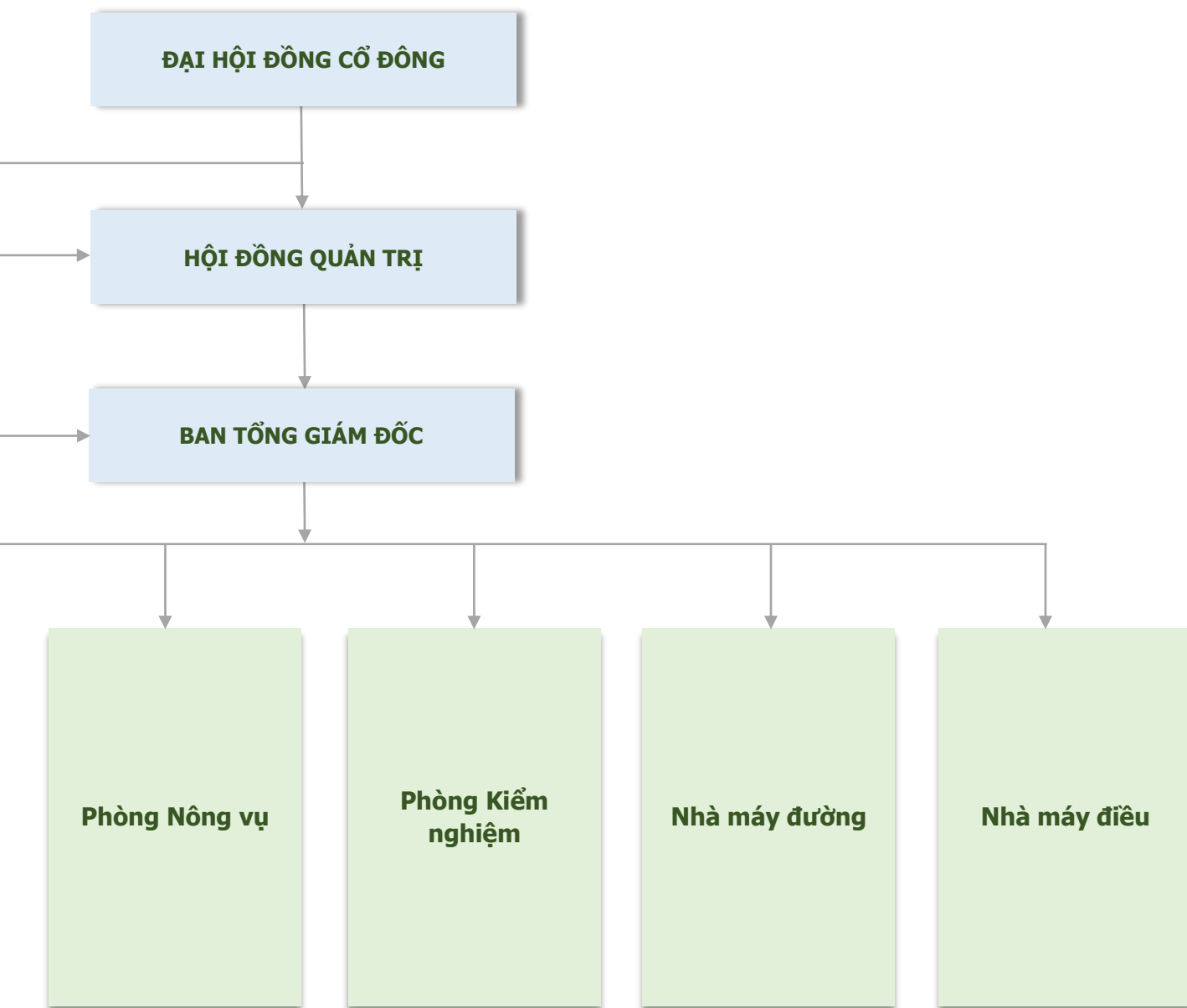
Chủ yếu ở Đắk Lắk và thành phố Hồ Chí Minh.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị gồm:

- ★ Đại hội đồng cổ đông
- ★ Hội đồng Quản trị
- ★ Ban Kiểm soát
- ★ Ban Tổng giám đốc
- ★ Các phòng chuyên môn nghiệp vụ



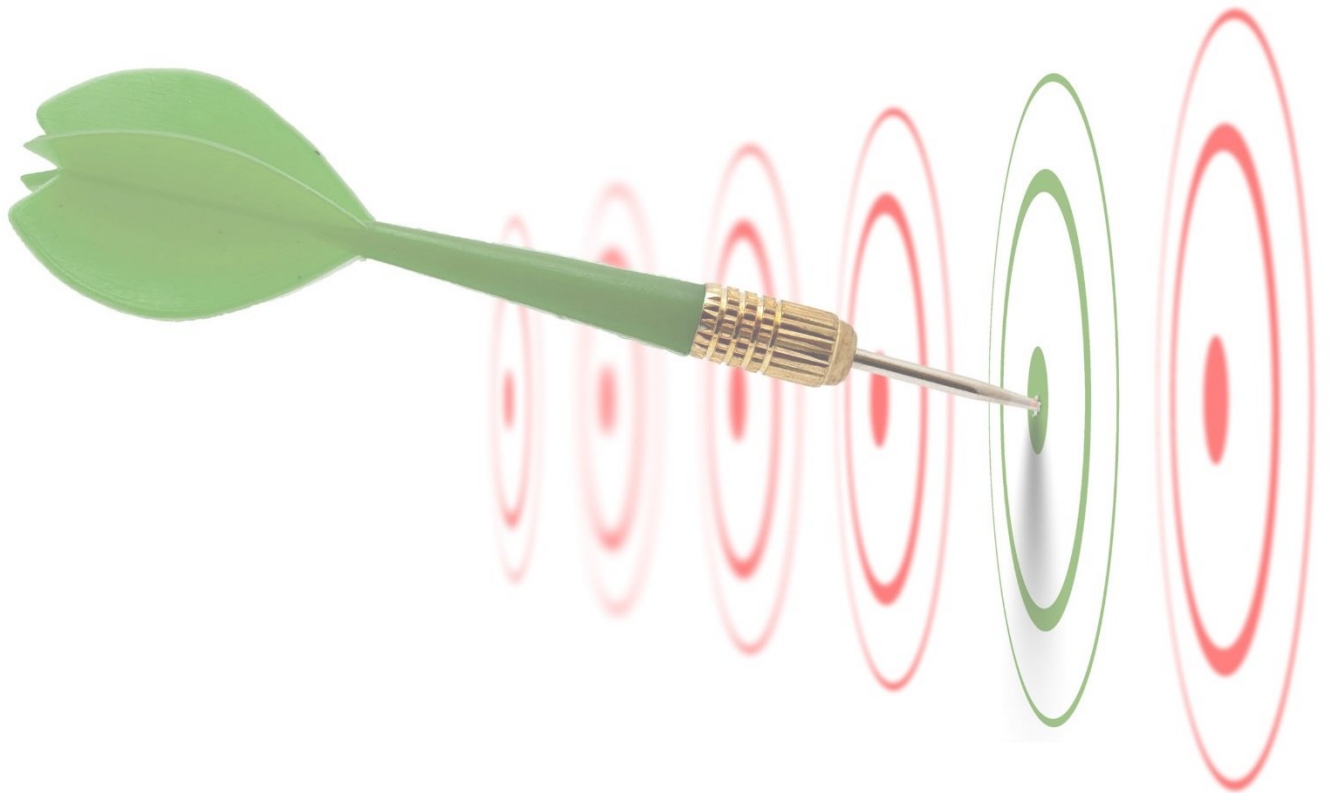




# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Tiếp tục phát triển thành công ty đa ngành lấy chế biến mía đường và sản xuất chế biến điều nhân xuất khẩu làm trọng tâm, từng bước mở rộng hoạt động sang lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.
- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đạt các tiêu chí về chất lượng an toàn thực phẩm; Tìm kiếm lợi nhuận tối đa cho cổ đông, hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.





### **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI**

- Trong trung và dài hạn, Công ty chủ trương hiện đại hóa trang thiết bị, máy móc để tăng hiệu quả sản xuất, giảm tỷ lệ lãng phí nguyên vật liệu, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm để vượt qua các rào cản về tiêu chuẩn kỹ thuật, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Ngoài ra, đảm bảo vùng nguyên liệu sạch và sản lượng ổn định để cung cấp cho các nhà máy chế biến nông sản nói chung và ép mía nói riêng cũng là một trong những chiến lược trọng tâm mà Công ty đang hướng đến.



### **CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

- Môi trường: mở rộng hoạt động sản xuất đi kèm với áp dụng khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường, tạo sự phát triển bền vững.
- Xã hội: Công ty luôn gắn sự phát triển của mình với sự phát triển của xã hội, góp phần giảm gánh nặng của nhà nước, giải quyết các vấn đề xã hội. Cùng đồng hành và phát triển
- Cộng đồng: công ty luôn hướng tới cân bằng lợi ích với cộng đồng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân trong vùng nguyên liệu.



## **Rủi ro kinh tế**

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, rào cản thuế xuất nhập khẩu sẽ tự do hóa hoàn toàn theo lộ trình cam kết đến năm 2018 giữa các nước ASEAN. Các doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp ngành mía đường nói riêng sẽ đón nhận nhiều cơ hội lẫn thách thức tạo ra từ chính sách mở cửa và quá trình chủ động hội nhập.

Các doanh nghiệp mía đường Việt Nam đang dần cải thiện năng lực hoạt động, áp dụng nhiều chiến lược cạnh tranh để giữ vững và phát triển thị phần trong nước lẫn xuất khẩu. Trong năm vừa qua, với sự hoạt động hiệu quả của các cơ quan chức năng, nhiều đường dây nhập lậu đường đã được triệt phá phần nào hạn chế được sự cạnh tranh về giá cả của mặt hàng này. Tuy nhiên với nhiều tồn tại cần khắc phục, cùng với với tác động của tình trạng dư cung thì ngành mía đường trong thời gian tới sẽ phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức.

S33 đã có những kế hoạch cụ thể đối mặt với các vấn đề trên, Công ty tiếp tục tập trung các nhóm giải pháp vào vùng nguyên liệu, chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm. Ngoài ra, vấn đề vận chuyển cũng được công ty quan tâm tìm cách tối ưu hoá chi phí, nâng cao tính cạnh tranh của thương hiệu mía đường 333 trên thị trường.





### **Rủi ro pháp luật**

Trong những năm gần đây, nhiều văn bản pháp luật đã có sự thay đổi để phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế của Việt Nam. Hoạt động với tư cách là một Công ty cổ phần, S33 chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản luật như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật dân sự, Luật kế toán, Luật lao động,... Ngoài ra Công ty cũng là công ty đại chúng có cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM, do đó S33 còn chịu sự tác động của Luật chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan. Khi những quy định này thay đổi, sẽ xuất hiện những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trước tình hình đó, S33 luôn có sự nghiên cứu, ứng dụng và điều chỉnh phù hợp vừa tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành, vừa phù hợp với hoạt động của Công ty.

### **Rủi ro về lãi suất**

S33 có sử dụng vốn vay phục vụ cho quá trình hoạt động, vì thế chi phí lãi vay và khả năng thanh toán của Công ty sẽ bị ảnh hưởng khi lãi suất biến động. Bên cạnh đó, Tiền gửi ngân hàng hiện đang chiếm trên 80% khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền tại Công ty, khi lãi suất thay đổi cũng có tác động nhất định đến phần lãi phát sinh từ khoản tiền gửi đó. Để hạn chế loại rủi ro này, Công ty luôn có sự theo dõi tình hình biến động của lãi suất từ đó có thể đề ra những chiến lược sử dụng vốn vay an toàn, hiệu quả.

### **Rủi ro môi trường**

Các phế phẩm còn lại sau quá trình sản xuất có những tác động nhất định đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực nhà máy. Để khắc phục tình trạng này, S33 đã chủ động xây dựng và duy trì hệ thống xử lý chất thải đáp ứng quy định hiện hành trong lĩnh vực của mình.

### **Rủi ro nguyên liệu**

Hoạt động của S33 luôn cần Mía để làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất, vào những khoảng thời gian cao điểm trong năm, việc có được nguồn nguyên liệu liên tục và ổn định là điều hết sức quan trọng góp phần không nhỏ vào sự hoàn thành kế hoạch sản xuất của Công ty. Ngoài ra, nếu giá cả mía biến động sẽ tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất từ đó làm thay đổi lợi nhuận của Công ty.

S33 tiếp tục củng cố và phát triển vùng mía tại xã phía Đông nam Tỉnh Đắk Lắk để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu, hợp tác với Viện mía đường Việt Nam và tự nghiên cứu để chọn được những giống mía tốt, sinh trưởng mạnh, cho năng suất cao. S33 cũng có sự hỗ trợ người nông dân các vấn đề liên quan đến canh tác, tưới tiêu và kể cả tài chính để đảm bảo việc trồng trọt được duy trì.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✔ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✔ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✔ Tình hình tài chính
- ✔ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: đồng

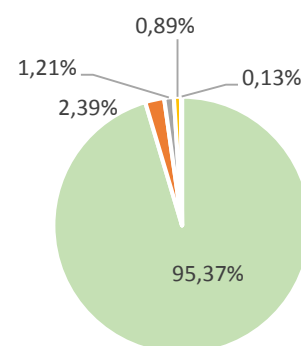
Khoản mục	Năm 2015		06 tháng năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
DT đường và phụ phẩm đường	409.876.056.576	86,35%	331.361.217.786	95,37%
DT bán hạt điều	50.909.939.928	10,73%	8.298.618.546	2,39%
DT bán phân bón	4.842.563.958	1,02%	4.211.626.954	1,21%
DT bán xăng dầu	8.429.806.853	1,78%	3.105.060.447	0,89%
DT khác	604.456.365	0,13%	468.920.259	0,13%
<b>Tổng cộng</b>	<b>474.662.823.680</b>	<b>100,00%</b>	<b>347.445.443.992</b>	<b>100,00%</b>

## Công tác nguyên liệu

Nguyên liệu có ý nghĩa sống còn đối với Doanh nghiệp chế biến đường nên HDQT và BDH thường xuyên sâu sát, quan tâm, kịp thời đưa ra các cơ chế, chính sách linh hoạt, thiết thực để xây dựng vùng mía nguyên liệu ổn định lâu dài cho nhà máy. Và thực tế cho thấy, công tác nông vụ đã đáp ứng được nguyên liệu cho nhà máy hoạt động hết công suất thiết kế như dự án đề ra, góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động sản xuất chế biến đường nói riêng và sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

Việc du nhập khảo nghiệm và chuyển giao bộ giống mía mới cho người trồng mía đã được quan tâm nhưng kết quả còn rất hạn chế. Mặt khác, thiên tai, hạn hán khắc nghiệt kéo dài biến đổi khí hậu, đã gây tác động tiêu cực đến năng suất, sản lượng, chất lượng mía của Công ty nhất là những vụ chế biến gần đây, trong điều kiện vùng đất trồng mía của Công ty phần lớn là đồi núi trọc, không có hồ đập nước tưới cho cây mía.

## Cơ cấu doanh thu 06T/2016



- DT đường và phụ phẩm đường
- DT bán hạt điều
- DT bán phân bón
- DT bán xăng dầu
- DT khác



### Công tác sản xuất chế biến đường

Đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật tiếp tục được đào tạo nâng cao đã nắm bắt và làm chủ dây chuyền thiết bị mới, nâng cao hiệu quả sản xuất chế biến đường. Việc quản lý lao động được thực hiện đúng theo quy chế, Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy được đảm bảo.

### Công tác thị trường

Nhiều năm qua Công ty đã xây dựng hệ thống tiêu thụ các sản phẩm tương đối ổn định, đó là những cổ đông lớn, những bạn hàng truyền thống có uy tín. Công ty chủ động tiêu thụ sản phẩm giá phù hợp thị trường, không găm hàng chờ giá trong điều kiện giá đường không ổn định, cung vượt cầu và đường lậu không kiểm soát được. Những yếu tố trên góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, quay vòng vốn.

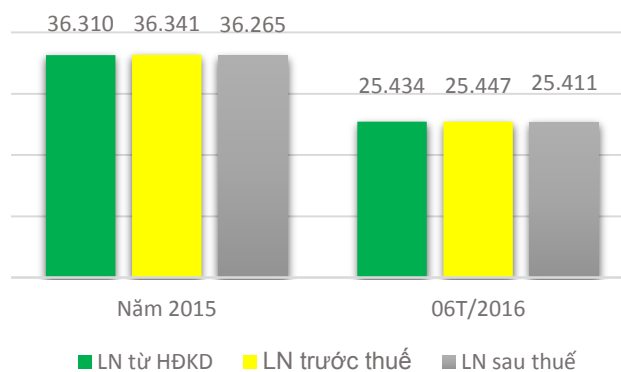
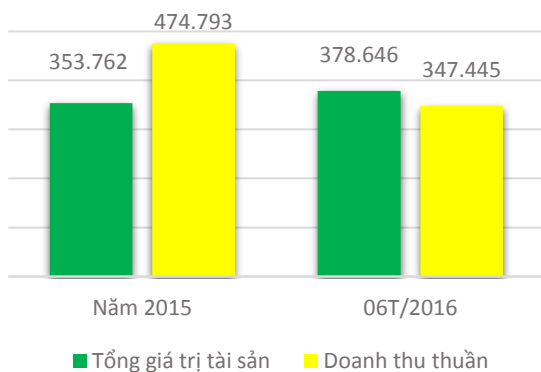
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm qua công ty không có thực hiện các khoản đầu tư lớn.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản của Công ty đã tăng nhẹ 7,03% so với năm 2015, tại thời điểm 30/06/2016 khoản mục này đạt mức 378,65 tỷ đồng. Do năm tài chính báo cáo chỉ gồm 06 tháng vì thế S33 chưa thể hoàn thành kế hoạch năm 2016 đã được ĐHĐCĐ giao phó theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 70% so với năm 2015 và hoàn thành khoảng 50% kế hoạch năm 2016.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	06 Tháng/2016
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	353.762	378.646
Doanh thu thuần	Triệu đồng	474.663	347.445
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	36.310	25.434
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	31	13
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.341	25.447
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	36.265	25.411
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	15%	-



### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	06 Tháng/2016	Năm 2015
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,46	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	1,02	0,90
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	35,73%	37,44%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	55,60%	59,83%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho	7,47	23,06
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,92	1,17
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,31%	7,64%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	10,44%	16,62%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	6,71%	8,93%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	7,32%	7,65%

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẦU TƯ

## CỔ PHẦN

<b>Cổ phần phổ thông</b>	: 8.331.409 cổ phần
<b>Cổ phần ưu đãi</b>	: 0 cổ phần
<b>Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>	: 8.331.409 cổ phần
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	: 0 cổ phần
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 VNĐ
<b>Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng</b>	: 0 cổ phần
<b>Chứng khoán khác</b>	: Không có

**Trong năm CTCP Mía đường 333 không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ / Tổng số CP
Cổ đông trong nước	246	7.384.092	88,63%
Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
Cổ đông nhà nước	1	947.317	11,37%
<b>Tổng cộng</b>	<b>247</b>	<b>8.331.409</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông tổ chức	4	3.753.552	45,05%
Cổ đông cá nhân	243	4.577.857	54,95%
<b>Tổng cộng</b>	<b>247</b>	<b>8.331.409</b>	<b>100,00%</b>

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ / Tổng số CP
1	Tổ chức	3.753.517	45,05%
2	Cá nhân	3.387.767	40,66%
3	Tổng cổ phiếu của công ty	8.331.409	100,00%

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ✔ Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc
- ✔ Cơ cấu Hội đồng quản trị
- ✔ Cơ cấu Ban kiểm soát
- ✔ Những thay đổi Ban TGD, HĐQT, BKS
- ✔ Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động



# CƠ CẤU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## CƠ CẤU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
<b>Ông Đoàn Ngọc Sơn</b>	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
<b>Ông Nguyễn Ngọc Thọ</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12/07/2016
<b>Ông Nguyễn Xuân Quang</b>	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 12/07/2016

## SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



### **Ông ĐOÀN NGỌC SƠN – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Năm sinh	05/11/1968
Quê quán	Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	TV HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Mía đường Đắk Nông TV HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre TV HĐQT kiêm TGD CTCP Mía đường Đắk Lắk
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

**Ông NGUYỄN NGỌC THỌ – Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh	02/01/1964
Quê quán	Xã Phong An, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ Khí (ĐH Bách Khoa Đà Nẵng)
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	
✓ 10/1988-07/1991	Trợ lý kỹ thuật tại Xí nghiệp VTVT D19- Sư đoàn 333
✓ 12/1993-12/1995	Trợ lý cơ khí tại Xí nghiệp liên hợp NCLN 333
✓ 01/1996-04/1998	Phó phòng kỹ thuật tại Công ty Mía đường 333
✓ 05/1998-08/2011	Trưởng phòng kỹ thuật tại CTCP Mía đường 333
✓ 09/2011-Nay	Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Mía đường 333
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	102.067 cổ phần – tỷ lệ 1,225% VDL

**Ông NGUYỄN XUÂN QUANG – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

Năm sinh	01/10/1958
Quê quán	Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán (Trường trung cấp quản lý Xuân Mai)
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	
✓ 12/1980-06/1990	Kế toán tổng hợp tại XN cửa mộc 62, Đắk Lắk
✓ 07/1990-06/1993	Kế toán trưởng tại XN Kiến Trúc 723, XNLH 333
✓ 07/1993-10/1993	Kế toán tại XN Giao thông thủy lợi, XNLH 333
✓ 11/1993-05/1996	Kế toán tại Công ty Mía đường 333
✓ 06/1996-09/2000	Phó kế toán trưởng tại Công ty Mía đường 333
✓ 10/2001-06/2006	Kế toán trưởng tại Công ty Mía đường 333
✓ 07/2006-06/2015	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại CTCP Mía đường 333
✓ 06/2015-Nay	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng CTCP Mía đường 333
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	312.813 cổ phần – tỷ lệ 3,755% VDL

# CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
<b>Ông Nguyễn Bá Thành</b>	Chủ tịch	20/06/2016
<b>Ông Nguyễn Xuân Quang</b>	Thành viên	20/06/2016
<b>Ông Đoàn Ngọc Sơn</b>	Thành viên	20/06/2016
<b>Ông Phạm Cao Hà</b>	Thành viên	20/06/2016
<b>Ông Đặng Việt Anh</b>	Thành viên	20/06/2016

**SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** *Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Xuân Quang và Ông Đoàn Ngọc Sơn vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch Ban điều hành)*



### Ông NGUYỄN BÁ THÀNH – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	28/12/1976
Quê quán	Thành phố Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Đã qua đào tạo Giám đốc điều hành (C.E.O)
Chức vụ tại tổ chức khác	TV HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Mía đường Đắk Nông TV HĐQT CTCP Mía đường Đắk Lắk
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL



<b>Ông PHẠM CAO HÀ – Thành viên HĐQT</b>	
Năm sinh	01/01/1979
Quê quán	Xã Nghĩa Kỳ, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	...
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL



<b>Ông ĐẶNG VIỆT ANH – Thành viên HĐQT</b>	
Năm sinh	14/09/1978
Quê quán	48 Trần Chánh Chiểu, Phường 14, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó TGD CTCP Đầu Tư Vương Quốc Việt Giám đốc CTCP Mía đường Bến Tre Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Kon Tum TGD CTCP Mía đường Tuy Hòa
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL



## CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

### CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
<b>Bà Trần Thị Nhi</b>	Trưởng ban	20/06/2016
<b>Ông Nguyễn Bá Khiêm</b>	Thành viên	20/06/2016
<b>Ông Nguyễn Xuân Sỹ</b>	Thành viên	20/06/2016

## SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT



### Bà TRẦN THỊ NHI – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	25/10/1964
Quê quán	Tỉnh Quảng Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	Chuyên viên đầu tư tại CT TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VĐL



### Ông NGUYỄN BÁ KHIÊM – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	25/05/1984
Quê quán	Thành phố Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán doanh nghiệp
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VĐL



### Ông NGUYỄN XUÂN SỸ – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	02/04/1977
Quê quán	Trung Lương, Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư tự động hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	2.914 cổ phần – tỷ lệ 0,030% VĐL



# THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT



Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 20/06/2016, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội bầu lại với nhiệm kỳ 2016 – 2020. Trong năm, cơ cấu ban điều hành cũng có sự thay đổi như sau:

- ★ Theo nghị quyết HĐQT ngày 01/07/2016, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành đối với Ông Phan Xuân Thủy, bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành đối với Ông Đoàn Ngọc Sơn.
- ★ Theo nghị quyết HĐQT ngày 12/07/2016, miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Ngọc Nhơn, bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Ngọc Thọ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành công ty.
- ★ Cũng theo nghị quyết HĐQT ngày 12/07/2016, bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Xuân Quang.

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Thu nhập bình quân của NLD qua các năm (đồng/tháng/người)**

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	06 tháng/2016	4.775.000
2	2015	4.353.000
3	2014	4.540.000

**CƠ CẤU NHÂN SỰ CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 30/06/2016**

Tính chất phân loại	2015	Tỷ trọng	06 Tháng/2016	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>567</b>	<b>100%</b>	<b>459</b>	<b>100%</b>
Cao đẳng, đại học, trên đại học	61	10,76%	61	13,28%
Trung cấp chuyên nghiệp	31	5,47%	31	6,78%
Sơ cấp chuyên nghiệp	20	3,53%	20	4,35%
Phổ thông và công nhân kỹ thuật	455	80,25%	347	75,59%
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>567</b>	<b>100%</b>	<b>459</b>	<b>100%</b>
Hợp đồng có xác định thời hạn	15	2,65%	0	0,00%
Hợp đồng không xác định thời hạn	401	70,72%	392	85,41%
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	151	26,63%	67	14,59%
Hợp đồng thử việc	0	0,00%	0	0,00%





## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân lực là nguồn lực vô cùng quan trọng đối với Công ty trong suốt quá trình hoạt động và được Ban lãnh đạo xác định là yếu tố then chốt cho tiến trình phát triển năng lực cạnh tranh của Công ty. Nhằm tạo một môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, Công ty cam kết thực hiện đúng dẫn chính sách lương, bảo hiểm, chế độ theo quy định và các phúc lợi theo quy chế đãi ngộ của chính Công ty cho người lao động

- ✓ Trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng lao động;
- ✓ Tuân thủ quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;
- ✓ Đối với các trường hợp như thai sản, nghỉ hưu, đau ốm Công ty đều ưu tiên giải quyết nhanh chóng, tránh gây phiền hà cho người lao động;
- ✓ Thời gian làm việc, nghỉ lễ, tết, và các chính sách lao động khác theo quy định đều được Công ty thực hiện trên tinh thần tôn trọng người lao động và pháp luật.
- ✓ Ngoài ra, để khuyến khích tinh thần làm việc, Công ty còn đề ra chính sách khen thưởng, thăng tiến, đãi ngộ phù hợp với những đóng góp của CBCNV.
- ✓ Công nhân viên ở từng bộ phận được tham gia vào các chương trình đào tạo khi có chương trình phù hợp, tùy thuộc vào nhu cầu thực tiễn của Công ty về sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV có cơ hội nâng cao kiến thức, trình độ của bản thân.
- ✓ Công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, đảm bảo sức khỏe tinh thần và thể chất cho người lao động.

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✔ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ✔ Tình hình tài chính
- ✔ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ✔ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ✔ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	TH 06 tháng/2016
<b>A</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>483.713.899.588</b>	<b>350.080.730.174</b>
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.662.823.680	347.445.443.992
2	DT hoạt động tài chính	8.834.869.670	2.616.524.818
3	Thu nhập khác	216.206.238	18.761.364
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>447.373.256.794</b>	<b>324.633.644.436</b>
1	Giá vốn hàng bán	410.646.782.723	307.340.638.983
2	Chi phí tài chính	15.170.569.437	4.321.867.990
3	Chi phí bán hàng	321.094.212	382.311.430
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.049.502.932	12.582.826.033
5	Chi phí khác	185.307.490	6.000.000
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>36.340.642.794</b>	<b>25.447.085.738</b>
<b>D</b>	<b>Thuế TNDN</b>	<b>75.645.336</b>	<b>36.197.667</b>
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>36.264.997.458</b>	<b>25.410.888.071</b>

Tiếp tục chịu tác động bởi những khó khăn như thời tiết, tình hình cung cầu của thị trường và tình trạng đường nhập lậu, đặc biệt trong năm 2016, S33 cũng đã có sự thay đổi niên độ tài chính khoảng thời gian của niên độ năm tài chính chuyển đổi chỉ gồm 06 tháng nên việc thực hiện kế hoạch như đã đề ra cho cả năm 2016 là điều không thể, kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 25,41 tỷ (khoảng 50% kế hoạch năm 2016).

Để ứng phó với tình trạng trên, Công ty đã có những biện pháp tiếp tục hỗ trợ nông dân vùng trồng mía nguyên liệu để đảm bảo đầu vào cho hoạt động sản xuất của nhà máy được diễn ra liên tục, khai thác hết công suất. Trong năm, HĐQT đã thống nhất tạm dừng sản xuất chế biến hạt điều theo đề nghị của Ban điều hành trong tình hình giá mua nguyên liệu cao hơn giá bán như hiện nay, đồng thời giao Ban điều hành theo dõi và xin ý kiến HĐQT để tiếp tục thu mua sản xuất khi thích hợp.

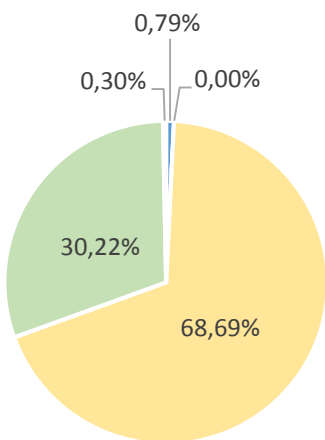


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

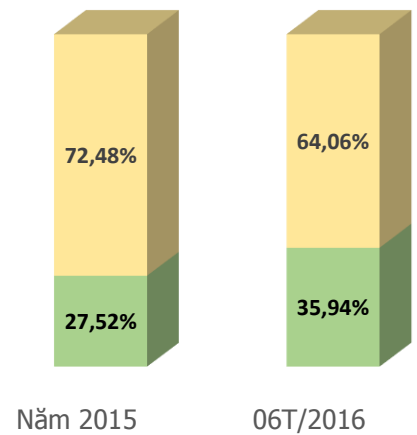
Chỉ tiêu	Năm 2015		06 tháng năm 2016		06T2016/2015
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	97.357.262.694	27,52%	136.084.902.129	35,94%	139,78%
Tài sản dài hạn	256.404.831.456	72,48%	242.561.577.759	64,06%	94,60%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>353.762.094.150</b>	<b>100,00%</b>	<b>378.646.479.888</b>	<b>100,00%</b>	<b>107,03%</b>

Tổng tài sản của công ty tăng nhẹ 7,03% so với năm 2015, cơ cấu tài sản có sự thay đổi làm giảm tỷ trọng tài sản dài hạn, tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn.



- Tiền và các khoản tương đương tiền (0,79%)
- Đầu tư tài chính ngắn hạn (0%)
- Các khoản phải thu ngắn hạn (68,69%)
- Hàng tồn kho (30,22%)
- Tài sản ngắn hạn khác (0,30%)

**Cơ cấu TSNH 2016**



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

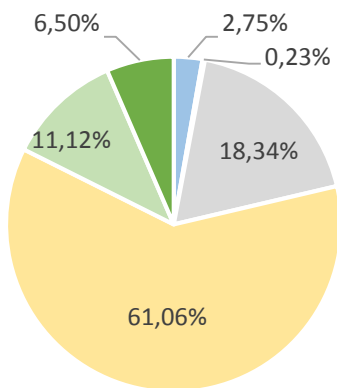
Trong năm tài sản ngắn hạn của công ty đã tăng 39,78% so với năm trước do các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho có sự gia tăng. Về tỷ trọng, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 68,69%, đây chủ yếu là khoản tiền ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu. Hàng tồn kho chiếm 30,22% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, S33 không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại ngày 30/06/2016.

Đối với tài sản dài hạn, khoản mục này trong năm đã giảm 5,4% so với năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình có sự sụt giảm nhẹ. Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 66,64 tỷ đồng.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

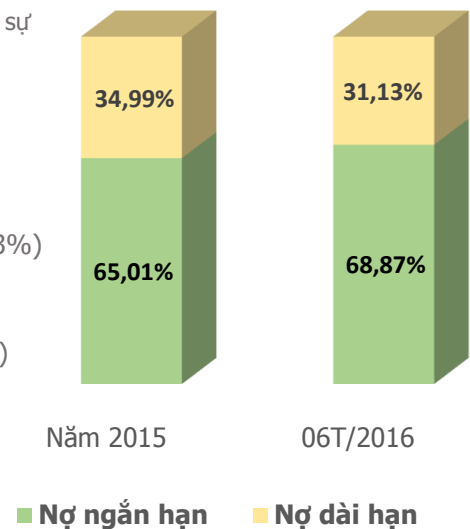
Chỉ tiêu	Năm 2015		06 tháng năm 2016		06T2016/2015
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	86.093.647.099	65,01%	93.187.177.834	68,87%	108,24%
Nợ dài hạn	46.338.849.747	34,99%	42.114.438.698	31,13%	90,88%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>132.432.496.846</b>	<b>100,00%</b>	<b>135.301.616.532</b>	<b>100,00%</b>	<b>102,17%</b>

Nợ phải trả của công ty tăng nhẹ 2,17% so với năm trước, cơ cấu nợ phải trả có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn, giảm tỷ trọng nợ dài hạn.



- Phải trả người bán ngắn hạn (2,75%)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (0,23%)
- Phải trả người lao động (18,34%)
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (61,06%)
- Phải trả ngắn hạn khác (11,12%)
- Khoản mục khác (6,5%)

**Cơ cấu Nợ NH 2015**



Năm 2016, nợ ngắn hạn của công ty đã tăng 8,24% so với năm 2015. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất 61,06% trong cơ cấu nợ ngắn hạn, đây là các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng Á Châu, Ngân hàng Phương Đông Việt Nam. Bên cạnh đó khoản phải trả người lao động cũng chiếm tỷ trọng đến 18,34%, trong năm khoản mục này đã có sự gia tăng khoảng 13 tỷ đồng.

Nợ dài hạn trong năm lại có sự sụt giảm 9,12% so với năm 2015, chủ yếu do vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm. Công ty hiện có các khoản vay dài hạn từ cá nhân, Ngân hàng Á Châu và CT TNHH mua bán nợ Việt Nam.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



- ✓ Luôn chú trọng công tác quản trị nhân sự đóng vai trò quan trọng trong hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi và môi trường làm việc để phát huy tối đa năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân, bố trí lao động hợp lý tại các phòng ban và trên dây chuyền sản xuất đảm bảo không lãng phí và đáp ứng công việc cao. Tuy nhiên đây là vấn đề thường xuyên và liên tục trong công tác quản lý do đó BDH chỉ đạo luôn rà soát bố trí lao động hợp lý sau mỗi vụ ép và BDSC phù hợp theo năng lực và công việc.
- ✓ Thường xuyên xem xét thực hiện việc chi trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ cho CBNV kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Công ty.
- ✓ Tăng cường phân quyền cho Trưởng các bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch của Công ty.
- ✓ Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về qui trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua qui trình quản lý của hệ thống ISO 9001:2008.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận diện tình hình kinh tế trong nước giai đoạn 2016 - 2020 nói chung và ngành mía đường nói riêng sẽ hội nhập sâu rộng, thời cơ và thách thức đan xen, đòi hỏi phải thích ứng linh hoạt với điều kiện chung. Trong bối cảnh đó, nhiệm kỳ tới để đảm bảo Doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững, việc mở rộng công suất nhà máy đường có đầu tư lò hơi, tuabin cao áp để đốt bã dư bán điện, cùng cơ giới hóa ngành chế biến hạt điều xuất khẩu như là một nội dung có ý nghĩa quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, theo đó Tổng Giám đốc đưa ra một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
<b>I SẢN XUẤT CHẾ BIẾN ĐƯỜNG</b>						
1	Doanh thu mía đầu tư	Ha	4.500	5.500	7.000	7.000
2	Sản lượng mía ép sạch	Tấn	320.000	330.000	420.000	420.000
3	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	33.684	34.736	44.210	44.210
4	Tỷ lệ mía/đường	Tấn	9,5	9,5	9,5	9,5
<b>II SẢN XUẤT CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU NHÂN XUẤT KHẨU</b>						
Tạm dừng sản xuất chế biến hạt điều theo đề nghị của Ban điều hành trong tình hình giá mua nguyên liệu cao hơn giá bán như hiện nay. Theo dõi và xin ý kiến HĐQT để tiếp tục thu mua sản xuất khi thích hợp.						
<b>III</b>	<b>TỔNG DOANH THU</b>	Tr.đ	515.037	553.422	682.033	682.072
<b>IV</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	Tr.đ	33.998	36.998	46.994	47.000
<b>V</b>	<b>CỔ TỨC</b>	%	15%	15%	15%	15%

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN


Không có

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✔ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ✔ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ✔ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị







# ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Có thể nói năm 2016 tiếp tục là năm có nhiều nỗ lực nhưng vẫn tồn tại nhiều khó khăn. Từ năm 2013 cho đến nay, các nhà máy đường cùng nông dân trồng mía bước vào chu kỳ khó khăn mới, ngành mía đường liên tục gặp phải tình trạng cung lớn cầu. Tình trạng biến đổi khí hậu tác động tiêu cực, gây hạn hán gay gắt và kéo dài, làm giảm năng suất, sản lượng và chất lượng mía của Công ty nói riêng và mía đường cả nước nói chung, làm giảm thu nhập của người trồng mía và hiệu quả sản xuất chế biến đường của các nhà máy, đây cũng là một khó khăn, thách thức lớn của ngành sản xuất chế biến mía đường.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nhưng Hội đồng Quản trị Công ty với trách nhiệm và sự tâm huyết của mình đã đưa ra các giải pháp kịp thời để chỉ đạo, quản lý doanh nghiệp đứng vững trong biến động của tình hình và mở rộng quy mô sản xuất nâng cao vị thế của Công ty lên tầm cao mới, đảm bảo đủ sức cạnh tranh và đứng vững trong xu thế hội nhập kinh tế Quốc tế ngày càng sâu rộng.

## **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

### ***Công tác nguyên liệu mía***

Vùng mía nguyên liệu được chú trọng xây dựng nhằm cung cấp đầu vào ổn định lâu dài cho nhà máy. Công tác nông vụ được đầu tư, bên cạnh đó việc thu mua mía nguyên liệu đáp ứng đủ cho nhà máy hoạt động hết công suất góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động sản xuất chế biến đường nói riêng và sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

Tháng 06/2015 vùng mía nguyên liệu của Công ty đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt quy hoạch bổ sung từ 7.915 ha lên 11.815 ha, tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 12/06/2015. Dù vậy công tác nguyên liệu vẫn là bài toán khó, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, tìm bộ giống mới phù hợp với năng suất chất lượng cao vẫn là nội dung lớn, chủ đạo mà công tác nông vụ vẫn phải tiếp tục nghiên cứu.

### ***Công tác chế biến đường***

Đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật tiếp tục được đào tạo nâng cao đã nắm bắt và làm chủ dây chuyền thiết bị mới, nâng cao hiệu quả sản xuất chế biến đường.

Công tác quản lý lao động thông qua các quy chế, chế tài đã phát huy tính tự chủ, tự giác của cán bộ công nhân viên và người lao động, ngăn ngừa các vi phạm nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật Nhà nước, sản xuất chế biến đường không ngừng ổn định và phát triển. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy được đảm bảo.

### ***Công tác tài chính***

Đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Các hoạt động tài chính đảm bảo đúng chuẩn mực, quy chế, nguyên tắc, công khai minh bạch và Hội đồng quản trị cũng đã thông qua quyết toán tài chính hàng năm sau khi có kết luận của Công ty Kiểm toán.

### ***Công tác đầu tư phát triển***

Sau khi dự án mở rộng công suất giai đoạn 2 từ 1.800 - 2.500 TMN thành công và đi vào hoạt động tháng 12/2011, Công ty tạm thời chưa có kế hoạch tiếp tục đầu tư, tuy nhiên công tác cải tạo sửa chữa nhà xưởng, kho chứa đường luôn được chú trọng thực hiện để hoạt động sản xuất ổn định và hiệu quả hơn.

### ***Hoạt động khác***

Thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và các quy định của UBCK. Chỉ đạo thực hiện báo cáo đầy đủ, minh bạch, đúng quy định đối với doanh nghiệp niêm yết.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã chú trọng công tác giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được hiệu quả, an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã đáp ứng được yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của điều lệ và nhiệm vụ kế hoạch được giao, về cơ bản Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành Điều lệ, quy chế, quy định Công ty và sự chỉ đạo giám sát của HĐQT và BKS.

Căn cứ những quy chế, quy định của HĐQT đã ban hành và căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

Bên cạnh những ưu điểm kết quả tích cực, hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn còn một số mặt hạn chế. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy định biên lao động, đã được HĐQT giao nhưng việc triển khai thực hiện chưa quyết liệt, không đạt yêu cầu, bộ máy vẫn còn cồng kềnh, nhiều ban bộ, lao động dư thừa, bố trí lao động chưa hợp lý dẫn đến không phát huy tốt năng suất lao động hàng năm công ty phải trả chi phí lương quá cao, trong khi thu nhập bình quân chưa được cải thiện.





# CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế Thế giới và trong nước đang có những biến động, khó khăn thách thức, xu hướng hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng. Diễn biến bất thường của thị trường, nền kinh tế sẽ tiếp tục đối diện với nguy cơ bất ổn vĩ mô, lạm phát, lãi suất, tỷ giá sẽ còn có thể diễn biến phức tạp... Việc tham gia TPP cũng như các hiệp định thương mại khác, Việt Nam phải mở cửa ngành mía đường, gỡ bỏ các hạn ngạch nhập khẩu, dự báo ngành mía đường Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn do chi phí sản xuất cao hơn so với các nước trong khu vực và thế giới.

## CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### *Tổ chức quản lý*

Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.



### *Công tác nguyên liệu mía*

Chỉ đạo công tác đầu tư trồng mới, chăm sóc vùng nguyên liệu mía trên cơ sở diện tích đã được quy hoạch đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy hoạt động hết công suất hiện hữu và sau khi mở rộng lên 3.500 TMN trong giai đoạn 2016-2020. Tăng cường đầu tư trực tiếp, đầu tư trọng điểm, tăng năng suất và chất lượng mía nguyên liệu, chi phí sản xuất mía thấp tăng tính cạnh tranh với cây trồng khác (giống, cơ giới hoá các khâu làm đất, trồng, chăm sóc, bón phân, tưới, sâu bệnh và thu hoạch).

### *Công tác tài chính*

Thường xuyên kiểm soát và sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn. Tăng cường công tác quản trị rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Chú trọng công tác đối chiếu, xác nhận nợ, thu nợ đầu tư đúng hạn, hạn chế mức thấp nhất nợ quá hạn nợ khó đòi.

Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả tối đa có thể cho thuê mượn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Công ty.

### ***Công tác Tổ chức - Lao động - Tiền lương***

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng tiên tiến. Ưu tiên công tác đào tạo, đầu tư xây dựng nguồn nhân lực mạnh về số lượng, chất lượng công nhân lành nghề có đủ trình độ vận hành, khai thác công suất dây chuyền thiết bị, đảm bảo tính kế thừa, xây dựng đội ngũ kế cận.

Tiếp tục tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, giám sát và ngăn ngừa, xử lý những rủi ro trong quá trình hoạt động. Tiếp tục bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, đổi mới cơ chế chính sách lương, thưởng gắn liền quyền lợi với kết quả công việc và mang tính cạnh tranh cao.

Chỉ đạo thực hiện đúng, đủ kịp thời mọi chế độ chính sách cho người lao động theo qui định pháp luật. Tiếp tục từng bước nâng cao thu nhập, đời sống, sinh hoạt cho người lao động.

Phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng vận động, tuyên truyền, động viên khích lệ mọi người lao động tích cực thi đua lao động sản xuất, tham gia tốt các phong trào xã hội, quan hệ tốt với chính quyền nhân dân trên địa bàn Công ty sản xuất kinh doanh.

### ***Công tác đầu tư phát triển***

Chỉ đạo Ban Điều hành, triển khai lập dự án mở rộng công suất nhà máy đường từ 2.500 lên 3.500 TMN với phương án tối ưu hiệu quả nhất, đồng thời đầu tư để phát bán điện lên lưới điện quốc gia.

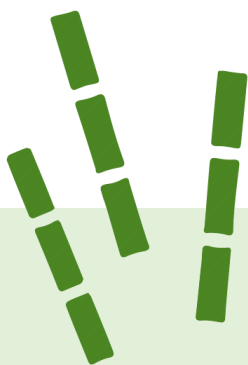
Đối với sản xuất chế biến điều nhân xuất khẩu, Hội đồng quản trị giao cho Ban điều hành theo dõi và báo cáo lại thị trường có những chuyển biến tích cực để tiếp tục triển khai thu mua và chế biến.

### ***Công tác thường trực HĐQT***

Xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình hàng quý, năm về công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thường xuyên Kiểm tra, giám sát, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết HĐQT; việc áp dụng các quy chế quản lý nội bộ; chấp hành pháp luật nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để kịp thời chỉ ra những khâu yếu, mặt yếu, đồng thời tìm các giải pháp, biện pháp khắc phục kịp thời đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra kiểm soát, tạo điều kiện cho hoạt động của Ban kiểm soát nhằm phát hiện cảnh báo kịp thời rủi ro trong công tác điều hành qua việc tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế trong mọi hoạt động của Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm theo đúng quy định và đạt kết quả cao.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hoạt động của Hội đồng quản trị
- ✓ Hoạt động của Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

# HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong khoản thời gian từ 01/01/2016 đến 30/06/2016, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	<b>Ông Nguyễn Bá Thành</b>	Chủ tịch	02/02	100%	-
2	<b>Ông Nguyễn Xuân Quang</b>	Thành viên	02/02	100%	-
3	<b>Ông Đoàn Ngọc Sơn</b>	Thành viên	02/02	100%	-
4	<b>Ông Phạm Cao Hà</b>	Thành viên	01/02	-	Bổ nhiệm ngày 20/6/2016
5	<b>Ông Đặng Việt Anh</b>	Thành viên	01/02	-	Bổ nhiệm ngày 20/6/2016
6	<b>Ông Phan Xuân Thủy</b>	Thành viên	01/02	-	Miễn nhiệm
7	<b>Ông Trần Ngọc Hiếu</b>	Thành viên	01/02	-	Miễn nhiệm

Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
Số : 01 /2016/NQ-HĐQT	05/1/2016	Phê duyệt bán mật rỉ vụn 2015-2016
Số : 02 /2016/QĐ-HĐQT	11/1/2016	Thay đổi điều kiện đầu tư cho Hợp đồng đầu tư trực tiếp mía nguyên liệu
Số : 03 /2016/NQ-HĐQT	16/1/2016	Phê duyệt bán bã mía vụn 2015-2016
Số : 04 /2016/NQ-HĐQT	21/1/2016	Phê duyệt biểu giá cước vận chuyển vụn 15-16
Số : 05 /2016/NQ-HĐQT	22/1/2016	Phê duyệt trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
Số : 06 /2016/NQ-HĐQT	23/1/2016	Phê duyệt trả lương tháng 13.2015
Số : 07 /2016/QĐ-HĐQT	26/1/2016	Phê duyệt quà tết 2016

Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
Số : 08 /2016/NQ-HĐQT	26/1/2016	Phê duyệt phương án PCCC nhà máy điều
Số : 09 /2016/NQ-HĐQT	28/1/2016	Khen thưởng CBCNV Nhà máy điều
Số : 10 /2016/NQ-HĐQT	03/2/2016	Điều chỉnh chính sách giá mua mía nguyên liệu vụ 2015-2016
Số : 14 /2016/NQ-HĐQT	10/3/2016	Phê duyệt thu hồi nợ đầu tư
Số : 15 /2016/NQ-HĐQT	10/3/2016	Phê duyệt thang bảng lương 2016
Số : 16 /2016/NQ-HĐQT	17/3/2016	Về việc bổ sung chính sách giá mua mía nguyên liệu vụ 2015-2016
Số : 17 /2016/NQ-HĐQT	19/3/2016	NQ Hợp HĐQT thông qua một số nội dung chính về hoạt động SXKD Quý1/2016
Số : 18 /2016/NQ-HĐQT	20/3/2016	Phê duyệt bán đường
Số : 19 /2016/NQ-HĐQT	21/3/2016	Phê duyệt SXCB Điều nhân
Số : 20 /2016/NQ-HĐQT	06/4/2016	Thanh lý xe tải
Số : 21 /2016/NQ-HĐQT	11/4/2016	Bổ sung chính sách giá mua mía nguyên liệu cuối vụ 2015-2016
Số : 22 /2016/NQ-HĐQT	20/4/2016	Không phạt Hợp đồng Công ty Tấn Đạt
Số : 23 /2016/NQ-HĐQT	21/4/2016	Thanh lý dây chuyền sản xuất phân vi sinh
Số : 24 /2016/NQ-HĐQT	21/4/2016	Phê duyệt bán đường
Số : 25 /2016/NQ-HĐQT	22/4/2016	Phê duyệt bán đường
Số : 26 /2016/NQ-HĐQT	27/4/2016	Bổ sung chính sách mía giống cho vụ 2016-2017 được tính vào số lượng mía vụ 2015-2016
Số : 27 /2016/NQ-HĐQT	27/4/2016	Phê duyệt tỉ lệ tài sản thế chấp đối với giá trị vốn đầu tư vùng nguyên liệu vụ 2016-2017
Số : 28 /2016/NQ-HĐQT	06/5/2016	Thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016
Số : 29 /2016/NQ-HĐQT	06/5/2016	Phê duyệt kế hoạch chào giá cạnh tranh cho thuê cửa hàng kinh doanh xăng dầu
Số : 30 /2016/NQ-HĐQT	06/5/2016	Phê duyệt bổ sung chính sách hỗ trợ trồng mới trong vụ 2 theo HĐĐT chuẩn bị mía cho vụ 16/17
Số : 31 /2016/NQ-HĐQT	09/5/2016	Khen thưởng vụ 2015-2016
Số : 32 /2016/NQ-HĐQT	09/5/2016	Phê duyệt bán đường
Số : 35 /2016/NQ-HĐQT	12/5/2016	Phê duyệt cung ứng phân bón phục vụ đầu tư cho vụ 2016-2017
Số : 36 /2016/NQ-HĐQT	12/5/2016	Phê duyệt Lao động và tiền lương Tháo máy - kiểm tu thiết bị sau vụ 2015-2016
Số : 37 /2016/NQ-HĐQT	13/5/2016	Thay đổi Phương thức đấu thầu cho thuê cửa hàng kinh doanh xăng dầu
Số : 38 /2016/NQ-HĐQT	16/5/2016	Phê duyệt quyết toán kinh phí BDSC Nhà máy đường sau vụ 2014-2015
Số : 39 /2016/NQ-HĐQT	17/5/2016	Phê duyệt cung ứng phân bón
Số : 40 /2016/NQ-HĐQT	19/5/2016	Phê duyệt Danh sách đi du lịch sau vụ 2015-2016
Số : 41 /2016/NQ-HĐQT	24/5/2016	Phê duyệt cung ứng phân bón
Số : 42 /2016/QĐ-HĐQT	25/5/2016	Phê duyệt giá cả và phương thức cho thuê cửa hàng xăng dầu
Số : 43 /2016/NQ-HĐQT	27/5/2016	Phê duyệt cung ứng phân bón
Số : 44 /2016/NQ-HĐQT	07/6/2016	Phê duyệt số lượng và chế độ trả lương chờ việc cho CBCNV sau vụ ép 2015-2016
Số : 01/2016/NQ-HĐQT	20/6/2016	HĐQT họp phiên họp thứ nhất nhiệm kỳ 2016-2020 Bầu Chủ tịch và TGD



## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong năm đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị trao đổi, đóng góp và đưa ra giải pháp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của công ty.



## HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- ✓ Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (BTGD) và hoạt động SXKD của công ty;
- ✓ Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- ✓ Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, BTGD các giải pháp khắc phục;
- ✓ Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- ✓ Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán;
- ✓ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng;
- ✓ Báo cáo đánh giá lên HĐQT, BTGD, tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty;
- ✓ Trong năm BKS đã tổ chức các phiên họp định kỳ để phân công nhiệm vụ của các thành viên, thống nhất chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

Nhiệm kỳ 2011- 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hoạt động của BKS tập trung vào các lĩnh vực kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty, giám sát hoạt động của HĐQT và BDH, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ trong công tác quản trị và điều hành. Tuy nhiên do có sự thay đổi toàn bộ nhân sự của BKS vào giữa năm 2015, thời gian tham gia công việc của các thành viên mới chưa được nhiều nên chưa bao quát hết toàn bộ hoạt động của Công ty.



## CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng)	Lương (đồng)	Ghi chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>					
1	Nguyễn Bá Thành	CT HĐQT	93.600.000	-	
2	Phan Xuân Thủy	Phó CT HĐQT	60.000.000	-	Miễn nhiệm ngày 20/06/2016
3	Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	60.000.000	-	
4	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	58.553.846	-	Miễn nhiệm ngày 20/06/2016
5	Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	62.400.000	-	
6	Phạm Cao Hà	Thành viên	3.846.154	-	Bổ nhiệm ngày 20/06/2016
7	Đặng Việt Anh	Thành viên	3.846.154	-	Bổ nhiệm ngày 20/06/2016
8	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Thư ký	30.000.000	-	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>					
1	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	62.400.000	-	
2	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Thành viên	43.600.000	-	
3	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên	39.507.692	-	Miễn nhiệm ngày 20/06/2016
4	Ông Nguyễn Xuân Sỹ	Thành viên	2.692.308	-	Bổ nhiệm ngày 20/06/2016
<b>Tổng cộng</b>			<b>520.446.154</b>	-	

## **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Không có

## **HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Không có

## **THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường 333 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật về quản trị công ty.



Đaklak, ngày 28 tháng 9 năm 2016

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**

Mã chứng khoán: **S33**

Trụ sở chính: Khối 1 – Thị trấn Eaknốp – Huyện Eakar – Tỉnh Đaklak

Điện thoại: 05003.829260 Fax: 05003.829089

Người thực hiện công bố thông tin: **Ông: Đoàn Ngọc Sơn**

Địa chỉ: 173 Nguyễn Tất Thành – Thị trấn Eatling – Huyện Cư Jút – Tỉnh ĐakNông

Điện thoại: 05003.829260 Fax: 05003.829089

Loại Công bố thông tin: Định kỳ

2. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2016.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28 tháng 9 năm 2016 tại đường dẫn: [www.miaduong333.vn](http://www.miaduong333.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐOÀN NGỌC SƠN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG 333**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 30/06/2016**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường 333 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mía đường 333 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Mía đường 333) theo Quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 6000181156 ngày 28/06/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/07/2016.

Vốn điều lệ: 83.314.090.000 đồng  
Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 83.314.090.000 đồng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (84) 050.3829112 - 3829649 - 3829111
- Fax: (84) 050.3829089
- Email: miaduong333@gmail.com
- Website: www.miaduong333.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất đường. Chi tiết: Sản xuất, chế biến đường mía;
- Xay xát và sản xuất bột thô. Chi tiết: Chế biến hạt điều nhân;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước ngọt có gas và không có gas;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng, dầu (địa điểm kinh doanh tại Tỉnh Đắk Lắk phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và chất bôi trơn động cơ;
- Trồng cây mía. Chi tiết: Trồng mía đường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), nông sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng xe ô tô;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 358 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Bá Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2016
• Ông Phan Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2015 Miễn nhiệm ngày 20/06/2016
• Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2016
• Ông Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2016
• Ông Đặng Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2016
• Ông Phạm Cao Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2016
• Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2015 Miễn nhiệm ngày 20/06/2016

### Ban kiểm soát

• Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2016
• Ông Nguyễn Bá Khiêm	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2016
• Ông Nguyễn Xuân Sỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2016
• Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2015 Miễn nhiệm ngày 20/06/2016

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Đoàn Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
• Ông Phan Xuân Thủy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2011 Miễn nhiệm ngày 01/07/2016
• Ông Nguyễn Ngọc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12/07/2016
• Ông Lê Ngọc Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/01/2015 Miễn nhiệm ngày 12/07/2016
• Ông Nguyễn Xuân Quang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 12/07/2016

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và Ban Tổng Giám đốc, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty là ông Đoàn Ngọc Sơn phê duyệt Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 375/GUQ-2016 ngày 26/08/2016.



**Đoàn Ngọc Sơn**

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 09 năm 2016



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dong.vn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 928/2016/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường 333**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường 333 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30/08/2016, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của năm 2015 mà không phải là số liệu của cùng kỳ năm trước.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 09 năm 2016

**Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>136.084.902.129</b>	<b>97.357.262.694</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.070.994.887</b>	<b>247.657.497</b>
1. Tiền	111	5	1.070.994.887	247.657.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>93.472.356.876</b>	<b>66.126.784.652</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.498.861.038	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	63.698.033.378	69.661.615.283
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.486.105.025	7.151.918.048
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.210.642.565)	(10.686.748.679)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>41.119.194.029</b>	<b>20.214.978.794</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.119.194.029	20.214.978.794
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>422.356.337</b>	<b>767.841.751</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	110.891.050
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		422.353.329	586.672.855
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.008	70.277.846
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>242.561.577.759</b>	<b>256.404.831.456</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>11</b>	<b>239.880.268.550</b>	<b>253.910.284.134</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		239.478.389.030	253.479.919.364
- Nguyên giá	222		469.519.467.419	466.933.967.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(230.041.078.389)	(213.454.048.055)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	401.879.520	430.364.770
- Nguyên giá	228		725.565.200	725.565.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(323.685.680)	(295.200.430)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.133.500.000</b>	<b>1.633.500.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.133.500.000	1.633.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>547.809.209</b>	<b>861.047.322</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	547.809.209	861.047.322
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>378.646.479.888</b>	<b>353.762.094.150</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>135.301.616.532</b>	<b>132.432.496.846</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.187.177.834</b>	<b>86.093.647.099</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.565.869.769	4.088.097.857
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	215.405.397	991.586.409
3. Phải trả người lao động	314		17.091.129.369	4.115.744.703
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	202.398.584	5.444.444
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	10.360.773.711	10.303.716.164
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	56.896.000.000	63.542.221.308
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20.a	1.123.744.250	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.731.856.754	3.046.836.214
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.114.438.698</b>	<b>46.338.849.747</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	34.879.702.698	46.338.849.747
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20.b	7.234.736.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>243.344.863.356</b>	<b>221.329.597.304</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>243.344.863.356</b>	<b>221.329.597.304</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	83.314.090.000	83.314.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.314.090.000	83.314.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	11.155.900.000	11.155.900.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	82.933.315.735	75.680.316.243
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	65.941.557.621	51.179.291.061
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		40.530.669.550	14.914.293.603
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.410.888.071	36.264.997.458
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>378.646.479.888</b>	<b>353.762.094.150</b>



**Tổng Giám đốc**  
Đoàn Ngọc Sơn

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 08 năm 2016

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Xuân Quang**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 – DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016	Năm 2015
			đến ngày 30/06/2016	VND
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	347.445.443.992	474.662.823.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		347.445.443.992	474.662.823.680
4. Giá vốn hàng bán	11	24	307.340.638.983	410.646.782.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>40.104.805.009</b>	<b>64.016.040.957</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.616.524.818	8.834.869.670
7. Chi phí tài chính	22	26	4.321.867.990	15.170.569.437
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.115.245.504</i>	<i>15.165.676.335</i>
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	382.311.430	321.094.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	12.582.826.033	21.049.502.932
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>25.434.324.374</b>	<b>36.309.744.046</b>
11. Thu nhập khác	31	28	18.761.364	216.206.238
12. Chi phí khác	32	29	6.000.000	185.307.490
13. Lợi nhuận khác	40		<b>12.761.364</b>	<b>30.898.748</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>25.447.085.738</b>	<b>36.340.642.794</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	36.197.667	75.645.336
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>25.410.888.071</b>	<b>36.264.997.458</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.050	3.945
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	3.050	3.945

  
**Tổng Giám đốc**  
**Đoàn Ngọc Sơn**

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 08 năm 2016

**Kế toán trưởng**

  
**Nguyễn Xuân Quang**

**Người lập biểu**

  
**Nguyễn Thanh Tùng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.447.085.738	36.340.642.794
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02		16.483.576.982	33.958.081.265
- Các khoản dự phòng	03	9, 20	9.882.374.136	9.643.634.990
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục			75.786	4.893.102
- tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25, 28	(506.270.384)	(1.847.094.502)
- Chi phí lãi vay	06	26	4.115.245.504	15.165.676.335
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		55.422.087.762	93.265.833.984
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29.629.871.746)	44.169.496.058
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	(20.904.215.235)	(4.819.096.672)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể	11		11.078.508.038	(36.593.984.297)
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	424.129.163	2.501.233.694
- Tiền lãi vay đã trả	14	17, 26, 18	(4.293.963.956)	(15.293.211.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16.b	(5.000.000)	(2.928.871.472)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.544.162.877)	(2.540.354.024)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>10.547.511.149</b>	<b>77.761.045.680</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TSDH khác	21	11, 12, 13	(2.720.000.000)	(3.625.606.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	28	3.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	21.115.277.778
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 25	1.097.634.020	2.261.326.928
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>8.381.270.384</b>	<b>9.750.998.706</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	82.647.690.604	45.327.861.784
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(100.753.058.961)	(119.118.347.326)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(24.994.227.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(18.105.368.357)</b>	<b>(98.784.712.542)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>823.413.176</b>	<b>(11.272.668.156)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	247.657.497	11.519.924.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(75.786)	400.978
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>1.070.994.887</b>	<b>247.657.497</b>



Đoàn Ngọc Sơn

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Quang

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Tùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mía đường 333 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Mía đường 333) theo Quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 6000181156 ngày 28/06/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/07/2016.

Vốn điều lệ: 83.314.090.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 83.314.090.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất đường, chế biến hạt điều, sản xuất đồ uống không cồn, đại lý xăng dầu.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường. Chi tiết: Sản xuất, chế biến đường mía;
- Xay xát và sản xuất bột thô. Chi tiết: Chế biến hạt điều nhân;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước ngọt có gas và không có gas;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng, dầu (địa điểm kinh doanh tại Tỉnh Đắk Lắk phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và chất bôi trơn động cơ;
- Trồng cây mía. Chi tiết: Trồng mía đường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), nông sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng xe ô tô;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Trong những năm trước, kỳ kế toán của Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 01/01/2016, Công ty đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau ngày thay đổi là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016; và
- Kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### **4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 15
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý	2

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.16 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Phân bón là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế; Hạt điều xuất khẩu áp dụng mức thuế suất 0%; Đường và các phụ phẩm đường áp dụng mức thuế suất 5%; Xăng, dầu, nước đóng chai áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 10% trong 15 năm (từ năm 2006 đến năm 2020), được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2010 đến năm 2018 (Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên được qui định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Riêng đối với thu nhập từ sản xuất đường và chế biến hạt điều, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1907/CT-TTHT ngày 10/08/2015 của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

		30/06/2016		01/01/2016
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		179.283.633		159.361.000
- Tiền gửi ngân hàng		891.711.254		88.296.497
+ VND		879.481.016		68.315.293
+ USD	549,18 #	12.230.238	891,17 #	19.981.204
<b>Cộng</b>		<b>1.070.994.887</b>		<b>247.657.497</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Kim Hà Việt	15.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Thành Thúy	22.498.858.948	-
Cty TNHH Một Thành Viên Như Sơn	2.090	-
<b>Cộng</b>	<b>37.498.861.038</b>	<b>-</b>

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty đầu tư	15.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Thành Thúy	Chung cổ đông lớn	22.498.858.948	-
<b>Cộng</b>		<b>37.498.858.948</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Tấn Đạt	-	865.000.000
Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu (*)	63.527.084.674	68.620.715.283
Các đối tượng khác	170.948.704	175.900.000
<b>Cộng</b>	<b>63.698.033.378</b>	<b>69.661.615.283</b>

(\*) Quyền đòi nợ từ khoản ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi ứng trước vốn trồng mía	4.349.099.088	(3.175.062.998)	6.448.133.058	(3.068.380.082)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	595.000.000	-
Tạm ứng	9.860.066	-	19.076.753	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	29.100.032	-
Kinh phí công đoàn chi vượt	41.757.332	-	32.040.680	-
Phải thu khác	85.388.539	-	28.567.525	-
<b>Cộng</b>	<b>4.486.105.025</b>	<b>(3.175.062.998)</b>	<b>7.151.918.048</b>	<b>(3.068.380.082)</b>

### 9. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	12.210.642.565	10.686.748.679
- Từ 3 năm trở lên	8.560.092.113	7.753.166.278
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.302.389.510	725.547.817
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.956.990.060	1.113.504.921
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	391.170.882	1.094.529.663
<b>Cộng</b>	<b>12.210.642.565</b>	<b>10.686.748.679</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Nợ xấu

	30/06/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Trả trước người bán	12.459.222.292	3.423.642.725		
- Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu	12.459.222.292	3.423.642.725	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi do quá hạn thanh toán hoặc do nông dân không còn trồng mía, không có khả năng thanh toán
Phải thu khác	3.175.062.998	-		
- Lãi ứng trước vốn trồng mía	3.175.062.998	-	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi do quá hạn thanh toán hoặc do nông dân không còn trồng mía, không có khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>15.634.285.290</b>	<b>3.423.642.725</b>		

### 10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.002.024.258	-	15.434.949.799	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	186.319.584	-	1.912.945.416	-
Thành phẩm	30.052.599.766	-	2.344.117.934	-
Hàng hóa	876.457.468	-	522.965.645	-
Hàng gửi bán	1.792.953	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.119.194.029</b>	<b>-</b>	<b>20.214.978.794</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 30/06/2016.
- Giá trị thành phẩm dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm 30/06/2016 là 20.496.884.704 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	122.754.081.857	337.541.666.088	6.481.226.474	156.993.000	466.933.967.419
Mua sắm trong kỳ	-	2.620.000.000	-	-	2.620.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	34.500.000	34.500.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>122.754.081.857</b>	<b>340.161.666.088</b>	<b>6.481.226.474</b>	<b>122.493.000</b>	<b>469.519.467.419</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	55.076.486.700	155.614.975.186	2.654.268.169	108.318.000	213.454.048.055
Khấu hao trong kỳ	3.645.993.818	12.646.525.192	324.061.324	4.950.000	16.621.530.334
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	34.500.000	34.500.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>58.722.480.518</b>	<b>168.261.500.378</b>	<b>2.978.329.493</b>	<b>78.768.000</b>	<b>230.041.078.389</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	67.677.595.157	181.926.690.902	3.826.958.305	48.675.000	253.479.919.364
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>64.031.601.339</b>	<b>171.900.165.710</b>	<b>3.502.896.981</b>	<b>43.725.000</b>	<b>239.478.389.030</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 187.679.236.202 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 66.636.343.584 đồng.

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	304.651.200	420.914.000	725.565.200
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>304.651.200</b>	<b>420.914.000</b>	<b>725.565.200</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	39.646.460	255.553.970	295.200.430
Khấu hao trong kỳ	2.178.125	26.307.125	28.485.250
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>41.824.585</b>	<b>281.861.095</b>	<b>323.685.680</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	265.004.740	165.360.030	430.364.770
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>262.826.615</b>	<b>139.052.905</b>	<b>401.879.520</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016.
- Không có tài sản cố định vô hình đã thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2016.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.133.500.000	1.633.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.133.500.000</b>	<b>1.633.500.000</b>

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	305.991.027	515.592.776
Chi phí qui hoạch vùng nguyên liệu chờ phân bổ	241.818.182	345.454.546
<b>Cộng</b>	<b>547.809.209</b>	<b>861.047.322</b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Công nghệ & Thương mại Minh Thành	-	2.166.722.560
Phan Văn Phú	789.741.194	-
Chi nhánh TCT Cà phê VN - Công ty Kinh doanh Tổng hợp ViNaCaFe Quy Nhơn	640.000.000	-
HTX Nông nghiệp & DV Thanh Hải	877.194.910	-
Các đối tượng khác	258.933.665	1.921.375.297
<b>Cộng</b>	<b>2.565.869.769</b>	<b>4.088.097.857</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	11.896.064.375	11.896.064.375	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.193.908	36.197.667	5.000.000	-	35.391.575
Thuế thu nhập cá nhân	-	965.304.049	111.819.577	924.601.077	-	152.522.549
Thuế tài nguyên	-	22.088.452	38.371.273	32.968.452	-	27.491.273
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	70.277.846	-	94.743.238	24.468.400	3.008	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	57.547.989	57.547.989	-	-
<b>Cộng</b>	<b>70.277.846</b>	<b>991.586.409</b>	<b>12.237.744.119</b>	<b>12.943.650.293</b>	<b>3.008</b>	<b>215.405.397</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Trích trước lãi vay	106.810.184	5.444.444
Các khoản trích trước khác	95.588.400	-
<b>Cộng</b>	<b>202.398.584</b>	<b>5.444.444</b>

### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	257.879.471	-
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (Lãi vay phải trả)	8.365.728.762	8.645.812.954
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	186.440.000	141.940.000
Phải trả khác	1.550.725.478	1.515.963.210
<b>Cộng</b>	<b>10.360.773.711</b>	<b>10.303.716.164</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Vay và nợ thuê tài chính

#### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	29.250.000.000	82.647.690.604	74.897.690.604	37.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
- Ngân hàng Phương Đông Việt Nam - CN Đắk Lắk	4.500.000.000	67.300.000.000	49.800.000.000	22.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	24.750.000.000	-	24.750.000.000	-
- Vay cá nhân	-	347.690.604	347.690.604	-
Vay dài hạn đến hạn trả	34.292.221.308	11.459.147.049	25.855.368.357	19.896.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	19.896.000.000	9.948.000.000	9.948.000.000	19.896.000.000
- Vay cá nhân	14.396.221.308	-	14.396.221.308	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	1.511.147.049	1.511.147.049	-
<b>Cộng</b>	<b>63.542.221.308</b>	<b>94.106.837.653</b>	<b>100.753.058.961</b>	<b>56.896.000.000</b>

#### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	80.631.071.055	-	25.855.368.357	54.775.702.698
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.511.147.049	-	1.511.147.049	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	64.723.702.698	-	9.948.000.000	54.775.702.698
- Vay cá nhân	14.396.221.308	-	14.396.221.308	-
<b>Cộng</b>	<b>80.631.071.055</b>	<b>-</b>	<b>25.855.368.357</b>	<b>54.775.702.698</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	34.292.221.308	-	-	19.896.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>46.338.849.747</b>			<b>34.879.702.698</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đắk Lắk theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.04.190913 ngày 25/09/2013, số tiền vay: 55.765.702.698 đồng. Mục đích vay: Hoàn vốn đã đầu tư dự án nâng công suất lên 2.500 TMN giai đoạn 1, thời hạn vay 58 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, ngày đáo hạn 25/05/2018. Lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất được cố định trong thời gian 3 tháng, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (lãi suất hiện tại là 9%/năm). Tài sản đảm bảo: Dây chuyền sản xuất đường tiêu thụ mía 2.500 tấn/ngày, nhà máy nhiệt điện 3MW (theo hợp đồng đảm bảo DAL.BDDN.02.190913/SP ngày 25/09/2013).
- Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.05.190913 ngày 25/09/2013, số tiền vay: 50.625.000.000 đồng. Mục đích vay: Hoàn vốn đã đầu tư dự án nâng công suất lên 2.500 TMN giai đoạn 2, thời hạn vay 81 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, ngày đáo hạn 11/04/2020. Lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất được cố định trong thời gian 3 tháng, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (lãi suất hiện tại là 9%/năm). Tài sản đảm bảo: Dây chuyền sản xuất đường tiêu thụ mía 2.500 tấn/ngày, nhà máy nhiệt điện 3MW (theo hợp đồng đảm bảo DAL.BDDN.02.190913/SP ngày 25/09/2013).

### 20. Dự phòng phải trả

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Trích trước chi phí trợ cấp mất việc làm	1.123.744.250	-
<b>Cộng</b>	<b>1.123.744.250</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	7.234.736.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.234.736.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	83.314.090.000	11.155.900.000	64.565.329.863	56.021.231.753	215.056.551.616
Tăng trong kỳ	-	-	11.114.986.380	36.264.997.458	47.379.983.838
Giảm trong kỳ	-	-	-	41.106.938.150	41.106.938.150
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>83.314.090.000</b>	<b>11.155.900.000</b>	<b>75.680.316.243</b>	<b>51.179.291.061</b>	<b>221.329.597.304</b>
Số dư tại 01/01/2016	83.314.090.000	11.155.900.000	75.680.316.243	51.179.291.061	221.329.597.304
Tăng trong kỳ	-	-	7.252.999.492	25.410.888.071	32.663.887.563
Giảm trong kỳ	-	-	-	10.648.621.511	10.648.621.511
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>83.314.090.000</b>	<b>11.155.900.000</b>	<b>82.933.315.735</b>	<b>65.941.557.621</b>	<b>243.344.863.356</b>

#### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	83.314.090.000	83.314.090.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	83.314.090.000	83.314.090.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	24.994.227.000

#### c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.331.409	8.331.409
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu phổ thông	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu phổ thông	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20/06/2016 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với tỷ lệ là 30%/vốn điều lệ, tương ứng với số tiền: 24.994.227.000 đồng. Công ty dự kiến chi trả số cổ tức này trong tháng 08/2016.

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	51.179.291.061	56.021.231.753
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	25.410.888.071	36.264.997.458
Phân phối lợi nhuận	10.648.621.511	41.106.938.150
- Phân phối lợi nhuận năm trước	10.648.621.511	41.106.938.150
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	7.252.999.492	11.114.986.380
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.111.622.019	4.247.724.770
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	284.000.000	750.000.000
+ Trả cổ tức	-	24.994.227.000
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>65.941.557.621</b>	<b>51.179.291.061</b>

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHCD ngày 20/06/2016.

### 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại (USD)	549,18	891,17



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Doanh thu bán đường và phụ phẩm đường	331.361.217.786	409.769.055.992
Doanh thu bán hạt điều	8.298.618.546	50.909.939.928
Doanh thu bán phân bón	4.211.626.954	4.842.563.958
Doanh thu bán xăng dầu	3.105.060.447	8.429.806.853
Doanh thu khác	468.920.259	711.456.949
<b>Cộng</b>	<b>347.445.443.992</b>	<b>474.662.823.680</b>

### 24. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Giá vốn đường và phụ phẩm đường	291.804.259.762	349.868.270.250
Giá vốn hạt điều	8.164.941.741	47.332.711.348
Giá vốn phân bón	4.110.214.233	4.773.614.872
Giá vốn xăng dầu	3.001.876.429	8.186.812.213
Giá vốn khác	259.346.818	485.374.040
<b>Cộng</b>	<b>307.340.638.983</b>	<b>410.646.782.723</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	502.634.020	1.847.094.502
Lãi ứng trước vốn trồng mía	2.106.190.318	6.952.681.970
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.700.480	35.093.198
<b>Cộng</b>	<b>2.616.524.818</b>	<b>8.834.869.670</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	4.115.245.504	15.165.676.335
Chi phí tài chính khác	206.546.700	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền tệ	75.786	4.893.102
<b>Cộng</b>	<b>4.321.867.990</b>	<b>15.170.569.437</b>

### 27. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	294.264.824	95.786.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.434.106	158.868.210
Các khoản khác	8.612.500	66.439.540
<b>Cộng</b>	<b>382.311.430</b>	<b>321.094.212</b>

#### b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Chi phí vật liệu, công cụ	165.812.565	530.961.882
Chi phí nhân công	6.865.028.698	5.380.007.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	466.342.374	791.579.442
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.523.893.886	9.643.634.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	717.096.465	1.578.120.085
Các khoản khác	2.844.652.045	3.125.199.325
<b>Cộng</b>	<b>12.582.826.033</b>	<b>21.049.502.932</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.636.364	-
Thu tiền thuê nhà	2.727.273	11.818.183
Thu phí nhân công xúc bã bùn	-	130.449.773
Thu nhập khác	12.397.727	73.938.282
<b>Cộng</b>	<b>18.761.364</b>	<b>216.206.238</b>

### 29. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	6.000.000	162.697.490
Các khoản khác	-	22.610.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>185.307.490</b>

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.447.085.738	36.340.642.794
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.663.802.784</b>	<b>16.897.361.574</b>
- Điều chỉnh tăng	27.663.802.784	16.897.361.574
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	26.241.797.820	9.949.042.252
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	328.246.154	336.000.000
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi không đủ hồ sơ	1.087.758.810	6.449.621.832
+ Phạt vi phạm thuế	6.000.000	162.697.490
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	53.110.888.522	53.238.004.368
+ Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế	52.386.935.189	53.154.132.719
+ Thu nhập từ hoạt động tại địa bàn đặc biệt khó khăn	723.953.333	83.871.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.274.891.186	5.319.607.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	5.238.693.519	5.315.413.272
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>36.197.667</b>	<b>75.645.336</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	36.197.667	4.193.982
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	71.451.354

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.410.888.071	36.264.997.458
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(3.395.622.019)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	3.395.622.019
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.410.888.071	32.869.375.439
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.331.409	8.331.409
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.050</b>	<b>3.945</b>

(\*) Lãi cơ bản của năm 2016 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch ĐHCĐ của Công ty không qui định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được, ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cụ thể.

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	272.873.367.072	320.693.543.743
Chi phí nhân công	31.730.761.396	31.157.188.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.483.576.982	33.625.204.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.470.973.364	16.117.020.960
Chi phí khác bằng tiền	1.092.969.084	9.313.110.969
<b>Cộng</b>	<b>337.651.647.898</b>	<b>410.906.068.129</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh đường và các phụ phẩm trong sản xuất đường từ mía và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch mua tài sản cố định có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền (USD)	549,18	891,17
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán (USD)	-	96.256,00

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá mua phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Công ty vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động sản xuất đường, Công ty tích cực mở rộng vùng nguyên liệu thông qua chính sách đầu tư vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu sản xuất cũng như giữ ổn định giá nguyên liệu, giảm tác động tăng giá do cạnh tranh từ các nhà máy sản xuất khác trong vùng.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty kinh doanh thương mại mặt hàng đường và nhân hạt điều. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, tiềm lực tài chính mạnh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.565.869.769	-	2.565.869.769
Chi phí phải trả	202.398.584	-	202.398.584
Vay và nợ thuê tài chính	56.896.000.000	34.879.702.698	91.775.702.698
Phải trả khác	10.102.894.240	-	10.102.894.240
<b>Cộng</b>	<b>69.767.162.593</b>	<b>34.879.702.698</b>	<b>104.646.865.291</b>

01/01/2016	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.088.097.857	-	4.088.097.857
Chi phí phải trả	5.444.444	-	5.444.444
Vay và nợ thuê tài chính	63.542.221.308	46.338.849.747	109.881.071.055
Phải trả khác	10.303.716.164	-	10.303.716.164
<b>Cộng</b>	<b>77.939.479.773</b>	<b>46.338.849.747</b>	<b>124.278.329.520</b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
<b>30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.070.994.887	-	1.070.994.887
Phải thu khách hàng	37.498.861.038	-	37.498.861.038
Phải thu khác	85.388.539	-	85.388.539
<b>Cộng</b>	<b>38.655.244.464</b>	<b>-</b>	<b>38.655.244.464</b>
<b>01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	247.657.497	-	247.657.497
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	623.567.525	-	623.567.525
<b>Cộng</b>	<b>10.871.225.022</b>	<b>-</b>	<b>10.871.225.022</b>

### 35. Các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty đầu tư
Công ty TNHH TM Dung Bằng	Chung cổ đông lớn
Công ty TNHH TM Thành Thúy	Chung cổ đông lớn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Năm 2015
<b>Bán thành phẩm</b>			
Công ty TNHH TM Dung Bàng	Bán đường	6.619.047.619	3.332.666.667
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Bán đường	48.216.460.953	15.447.619.047
Công ty TNHH TM Thành Thúy	Bán đường	135.793.790.475	208.479.005.712
<b>Mua nguyên vật liệu</b>			
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Mua nguyên vật liệu	3.196.678.658	-

### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	507.846.154	559.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	606.000.000	981.500.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**37. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



**Tổng Giám đốc**

**Đoàn Ngọc Sơn**

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 08 năm 2016

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Xuân Quang**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Tùng**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 01/01/2016 – 30/06/2016



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN BÁ THÀNH